**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **GHI CHÚ** |
| **Tên bài học/chủ đề *Khối lớp 8*** | **Tuần 14, Tiết 53 : Văn bản:ĐẬP ĐÁ Ở CÔN LÔN**  |
| **Hoạt động :**HS đọc văn bản | 1/ Đọc văn bản, xác định bố cục.2/ Nêu nội dung chính của văn bản3/ Cho biết nội dung và nghệ thuật của văn bản. |

 **BÀI GHI CỦA HỌC SINH**

 **Tuần 14, Tiết 53**

**Văn bản : ĐẬP ĐÁ Ở CÔN LÔN**

**I. Đọc- hiểu chú thích**

**1. Tác giả :( SGK )**

**2. Tác phẩm**

- Thể thơ bất ngôn bát cú Đường luật

-Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ được sáng tác vào thời gian Phan Châu Trinh bị bắt giam tại nhà tù ở Côn Đảo(1908-1910)

**II. Đọc- hiểu văn bản**

**1.Hai câu đề**

Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn,
Lừng lẫy làm cho lở núi non.

- Thể hiện khẩu khí, tư thế ngạo nghễ, lẫm liệt của nhân vật trữ tình sẵn sàng chấp nhận mọi thử thách.

**2. Hai câu thực**

Xách búa/ đánh tan/ năm bảy đống,
Ra tay/ đập bể/ mấy trăm hòn

- Phép đối, bút pháp ước lệ, tượng trưng, cách nói khoa trương, động từ mạnh.

=> Khi phách hiên ngang , bất khuất vượt lên hòan cảnh, làm chủ hoàn cảnh của người tù yêu nước.

**3. Ha câu luận**

Tháng ngày/ bao quản/ thân sành sỏi,
Mưa nắng/ càng bền/ dạ sắt son.

- Phép đối, ẩn dụ, giọng thơ như lời tự bạch.

=> Khẳng định các chí lớn quyết tâm cao của người tù yêu nước : càng khó khăn, càng bền chí, càng gian khổ càng sắc son, thủy chung, niềm tin, niềm lạc quan.

**4. Hai câu kết**

Những kẻ vá trời khi lỡ bước,
Gian nan chi kể việc con con.

**-**Phép đối, cách nói khoa trương,ẩn dụ, giọng thơ mạnh mẽ.

=>Tinh thần, ý chí hào hùng, lạc quan tin tưởng của Phan Châu Trinh trong hòan cảnh tù đày vô cùng khó khăn gian khổ.

**III. Ghi nhớ :SGK/150**

……………………………………………………………………………………………………….

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **GHI CHÚ** |
| **Tên bài học/chủ đề *Khối lớp 8*** | **Tuần 14, Tiết 54**:  **THUYẾT MINH VỀ MỘT THỂ LOẠI VĂN HỌC** |
| Hoạt động 1: Chuẩn bị bài học ngữ liệu | 1/ Đọc lại văn bản Đập đá ở Côn Lôn.2/ Xác định số dòng, số tiếng.3/ Xác định luật Bằng Trắc trong bài thơ.4/ Chỉ ra cách gieo vần của bài thơ. |

 **BÀI GHI CỦA HỌC SINH**

 **Tuần 14, Tiết 54**:

  **THUYẾT MINH VỀ MỘT THỂ LOẠI VĂN HỌC**

**I. Từ quan sát đến mô tả, thuyết minh một thể loại văn học**

\*Đề bài: Thuyết minh đặc điểm của thể thơ thất ngôn bát cú.

1. Quan sát.

a, Số câu, số tiếng:

- Mỗi bài có tám câu.

- Mỗi câu có bảy chữ.

b, Kí hiệu bằng trắc:

c, Quan hệ bằng- trắc: Giữa các dòng vừa niêm với nhau vừa đối nhau. Đối nhau nhiều ở các cặp câu 3-4, 5-6, 7-8.

Câu 3-4, 5-6 đối chỉnh.

- Chữ thứ hai câu thơ thứ nhất là vần bằng thì bài đó là luật bằng.

- Chữ thứ hai là vần trắc thì bài đó là luật trắc

-> Hai bài thơ là luật bằng.

d, Vần:

- Hai bài thơ đều là vần bằng.

- Chữ cuối câu 1,2,4,6,8 hiệp vần với nhau.

e, Nhịp:

- Ngắt nhịp: 4/3, ắ, hoặc 2/2/3...

- Bố cục bốn phần: đề, thực, luận, kết.

\* Ưu điểm: vẻ đẹp hài hòa, cân đối, nhạc điệu trầm, bổng, nhịp nhàng.

\*Nhược điểm: gò bó, không phóng khoáng như thơ tự do.

2. Lập dàn bài:(SGK/T 153)

**\* Ghi nhớ:(SGK/154)**

**II. Luyện tập**

Hãy thuyết minh đặc điểm chính của truyện ngắn trên cơ sở các truyện đã học.

- Định nghĩa: Truyện ngắn là hình thức tự sự loại nhỏ.

- Các yếu tố của truyện ngắn:

+Tự sự

*+*Miêu tả, biểu cảm, đánh giá .

+ Bố cục, lời văn, chi tiết.

- Đặc điểm của truyện ngắn:

+Nhân vật

+Cốt truyện

+Tình huống

+ Nội dung mà nó đề cập đến

+ Các yếu tố miêu tả và biểu cảm

+Ngôn ngữ truyện, ngôn ngữ nhân vật..

**........................................................................................................................................**

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **GHI CHÚ** |
| **Tên bài học/chủ đề *Khối lớp 8*** | **Tuần 14, Tiết 55**:  **HDĐT:MUỐN LÀM THẰNG CUỘI** |
| Hoạt động: Đọc văn bản | 1. Đọc văn bản và xác định thể loại của văn bản2. Nêu nội dung chính của văn bản |

**BÀI GHI CỦA HỌC SINH**

**Tuần 14, Tiết 55**: **HDĐT: MUỐN LÀM THẰNG CUỘI**

**I.Đọc -hiểu chú thích:**

1. Tác giả: (SGK/155)

 2. Tác phẩm:

 -Thể thơ: Thất ngôn bát cú

 **II.Đọc -hiểu văn bản:**

1.Hai câu đầu

*Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi!*

*Trần thế em nay chán nửa rồi.*

-> cách xưng hô có phần “ngông”

-> Giọng điệu tâm tình như một lời tâm sự, một tiếng than, một nỗi lòng, một tâm trạng.

- Tâm trạng: buồn chán -> Đó là nỗi buồn thời thế, nỗi đau nhân tình, bất hòa với thực tại xã hội ngột ngạt, tầm thường…muốn thoát li khỏi cuộc đời đáng chán.

 -> một khối sầu da diết.

2. Bốn câu tiếp theo

*Cung quế có ai ngồi đó chửa?*

 *Cành đa xin chị nhăc lên chơi.*

 *Có bầu có bạn can chi tủi*

 *Cùng gió cùng mây thế mới vui.*

-> Cá tính ngông được thể hiện qua cách xưng hô và ước muốn thoát li cuộc sống trần tục lên cung trăng làm bạn với chị Hằng giải tỏa nỗi buồn chán cô đơn, u uất trong lòng.

3.Hai câu cuối

- Hình ảnh tưởng tượng rất kì thú.

-> Thể hiện hồn thơ ngông đến cao độ, hồn thơ lãng mạn

- Cái cười vừa thỏa mãn vì đạt được khát vọng thoát li mãnh liệt, xa lánh được cõi trần bụi bặm vừa thể hiện sự mỉa mai, chế giễu cuộc sống ở cõi trần đầy rẫy xấu xa, bẩn thỉu, đua chen danh lợi.

**III. Ghi nhớ: (SGK/157)**

**........................................................................................................................................**

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **GHI CHÚ** |
| **Tên bài học/chủ đề *Khối lớp 8*** | **Tuần 14, Tiết 56**:  **ÔN TẬP TIẾNG VIỆT** |
| Hoạt động: HS đọc và nhớ lại các khái niệm. | 1. Nắm lại các khái niệm đã học2. Cho ví dụ từng khái niệm. |

**BÀI GHI CỦA HỌC SINH**

**Tuần 14, Tiết 56**: **ÔN TẬP TIẾNG VIỆT**

**I.Bảng hệ thống**

|  |  |
| --- | --- |
| A | B |
| 1. Trường từ vựng.2.Từ tượng hình, từ tượng thanh là gì? Ví dụ?3. Từ ngữ địa phương và biết ngữ xã hội là gì?4. Trợ từ, thán từ là gì?5. Tình thái từ là gì?6. nói quá.7.Nói giảm nói tránh8. Câu ghép. | **I. Lí thuyết**1.- Trường từ vựng là tập hợp của những từ có ít nhất 1 nét chung về nghĩa. 2.- Từ tượng hình là từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ trạng thái của sự vật. Từ tượng thanh là từ, mô phỏng âm thanh của tự nhiên, của con người.- Từ tượng hình, tượng thanh gợi được hình ảnh, âm thanh cụ thể, sinh động có giá trị biểu cảm cao; thường được sử dụng trong văn miêu tả và tự sự.3.-Từ ngữ địa phương là từ ngữ chỉ sử dụng ở 1 hoặc 1 số địa phương nhất định.- Biệt ngữ xã hội là những từ chỉ được sử dụng trong 1 tầng lớp xã hội nhất định.4.-Trợ từ là những từ sử dụng để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến trong câu.- Thán từ là những từ sử dụng làm dấu hiệu biểu lộ cảm xúc, tình cảm, tháo độ của người nói hoặc sử dụng để gọi đáp.5. Tình Thái Từ là những từ được thêm vào câu để cấu tạo câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán hoặc để biểu thị các sắc thái, tình cảm của người nói.6.-Nói quá: Phóng đại mức độ, quy mô, tính chất => nhấn mạnh gây ấn tượng tăng sức biểu cảm.7.Nói giản nói tránh: Diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, tránh gây cảm giác đau buồn, tránh thô tục...8. Là câu có 2 cụm C - V trở lên và chúng không bao chứa nhau. Mỗi cụm C - V của câu ghép có 1 dạng câu đơn và được gọi chung là 1 vế của câu ghép. |

**II. Luyện tập**

1. Bài tập: SGK/ 157.

a, Điền từ thích hợp vào chỗ trống

- Truyện dân gian

- Truyền thuyết

- Cổ tích

- Ngụ ngôn

- Truyện cười

b, Phép tu từ nói quá, nói giảm nói tránh trong ca dao

- Cổ tay em trắng như ngà

Đôi mắt em sắc như là dao cau.

- Con giận bằng con ba ba

Đêm đêm nó ngáy cả nhà thất kinh (NQ)

- Bây giờ mận mới hỏi đào

Vườn hồng đã có ai vào hay chưa

Mận hỏi thì đào xin thưa

Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào.(nói giảm nói tránh)

c, Đặt câu có từ tượng hình, tượng thanh

- Hàng cây đung đưa trong nắng.

- Bạn ấy cao lênh khênh.

- Nó khóc thút thít.

- Gió thổi vi vu.

2. Bài tập: SGK/158:

**……………..Hết…………………..**